

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ Về tình hình lao động, việc làm quý IV và năm 2024¹

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)², tại hầu hết các quốc gia thành viên, thị trường lao động đang được cải thiện sau giai đoạn thiếu hụt lao động nghiêm trọng sau đại dịch Covid-19, với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng lên mức cao nhất, ngoại trừ Hoa Kỳ và Anh. Trong báo cáo “Triển vọng Việc làm và Xã hội Thế giới: Xu hướng 2024”³, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cũng nhận định tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu giảm nhẹ từ 5,0% (năm 2023) xuống 4,9% (năm 2024). Riêng đối với khu vực châu Á- Thái Bình Dương⁴, ILO dự báo thị trường lao động vẫn duy trì tăng trưởng việc làm ở mức trung bình trong dài hạn và tỷ lệ thất nghiệp hầu như không thay đổi trong bối cảnh các quốc gia khu vực này đang đối mặt với nhiều thách thức lớn đối với vấn đề việc làm thỏa đáng và công bằng xã hội.

Trong nước, lực lượng lao động, số người có việc làm quý IV năm 2024 tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Lao động phi chính thức chiếm hơn 3/5 tổng số lao động có việc làm của cả nước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước.

1. Lực lượng lao động

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý IV năm 2024 là 53,2 triệu người, tăng 390,1 nghìn người so với quý trước và tăng 625,3 nghìn người so với

¹ Số liệu liên quan đến tình hình lao động việc làm năm 2019, 2020 trong báo cáo này được tính toán lại theo khung khái niệm mới ICLS 19. Một số số liệu trong báo cáo, tổng số có thể không bằng thành phần do làm tròn.

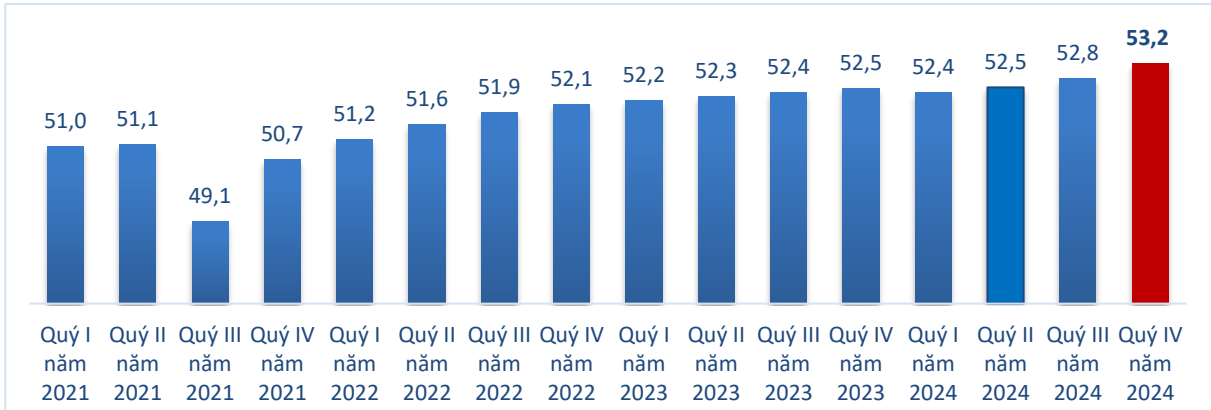
² OECD (Tháng 12/2024), “Báo cáo Triển vọng kinh tế OECD”, https://www.oecd.org/en/publications/2024/12/oecd-economic-outlook-volume-2024-issue-2_67bb8fac.html, truy cập ngày 28/12/2024.

³ ILO (2024), “Triển vọng Việc làm và Xã hội Thế giới: Xu hướng 2024”, <https://www.ilo.org/resourcel/news/ilo-expects-global-unemployment-drop-slightly-2024-slow-progress-reduce#:~:text=The%20ILO's%20World%20Employment%20and,5.0%20per%20cent%20in%202023,> truy cập ngày 20/12/2024.

⁴ ILO (2024), “Triển vọng Việc làm và Xã hội khu vực châu Á- Thái Bình Dương năm 2024”. https://www.ilo.org/publications/major-publications/asia-pacific-employment-and-social-outlook-2024-promoting-decent-work-and?fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTEAAR2FIS9691EwTSlvDHJidqspr7hSskxft1dvffY6NTbRRTh9jwgEduje7h0_aem_ZmFrZWRIbW15MTZieXRlcw, truy cập ngày 22/12/2024.

cùng kỳ năm trước. So với quý trước, lực lượng lao động ở khu vực thành thị tăng 146,1 nghìn người và khu vực nông thôn tăng 243,9 nghìn người.

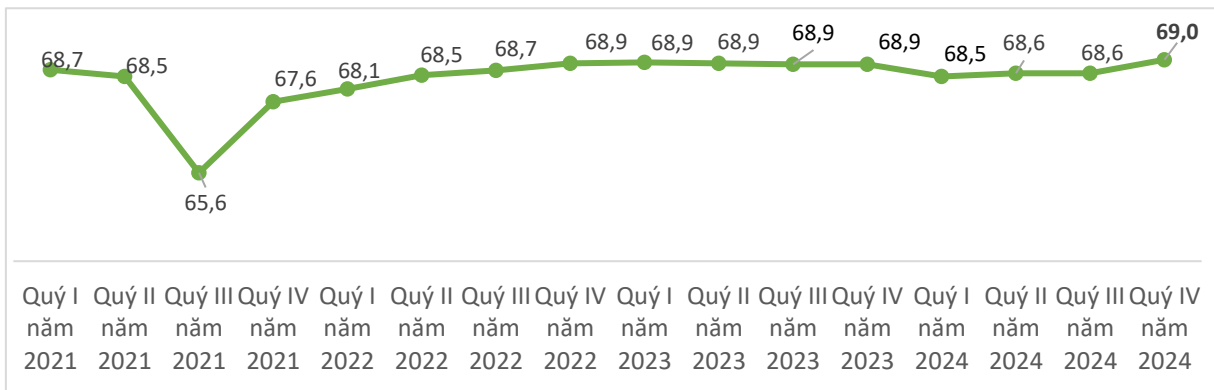
Hình 1: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (Triệu người)



Tính chung cả năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 53,0 triệu người, tăng khoảng 575,4 nghìn người so với năm 2023. Lực lượng lao động ở khu vực thành thị đạt gần 20,4 triệu người, chiếm 38,5% lực lượng lao động của cả nước; lực lượng lao động nữ đạt gần 24,7 triệu người, chiếm 46,6%.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý IV năm 2024 là 69,0%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với quý trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới là 63,1% và của nam giới là 75,2%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khu vực thành thị là 66,8%, thấp hơn 3,6 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn (70,4%).

Hình 2: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (%)

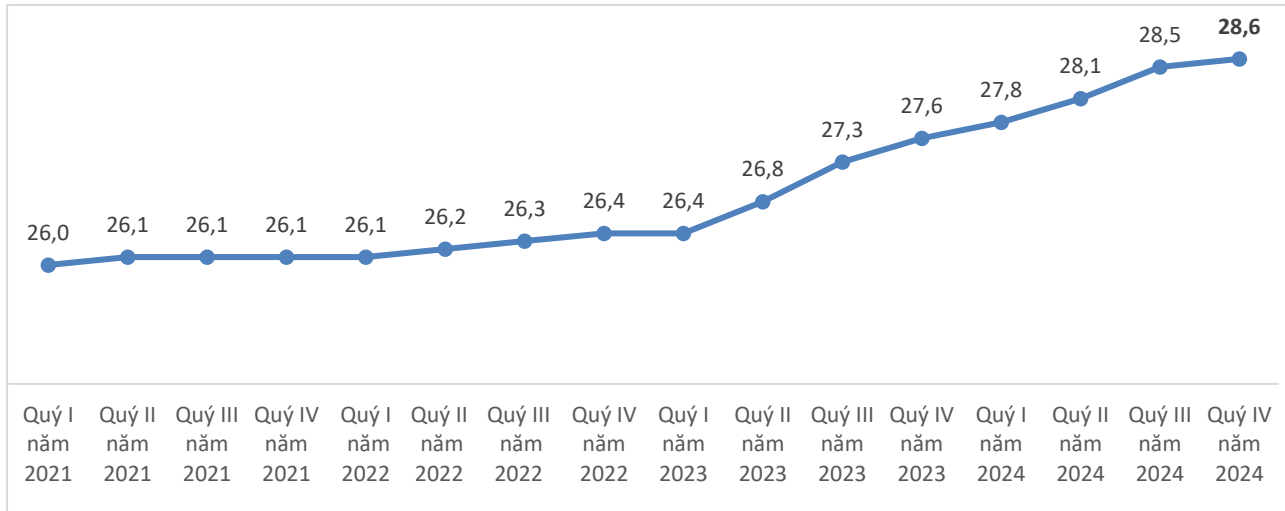


Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động chung cả năm 2024 là 68,9%, tương đương với năm 2023. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nam giới là 75,0%, của nữ giới là 63,0%, trong khi đó khu vực thành thị, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là 66,5%, thấp hơn 4,0 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn (70,5%).

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý IV năm 2024 là 28,6%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy chất lượng nguồn lao động ngày càng được cải thiện.

Tính chung năm 2024, lực lượng lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ ước tính đạt 28,3%, tăng 1,1 điểm phần trăm so với năm trước.

Hình 3: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ theo quý, giai đoạn 2021 – 2024 (%)



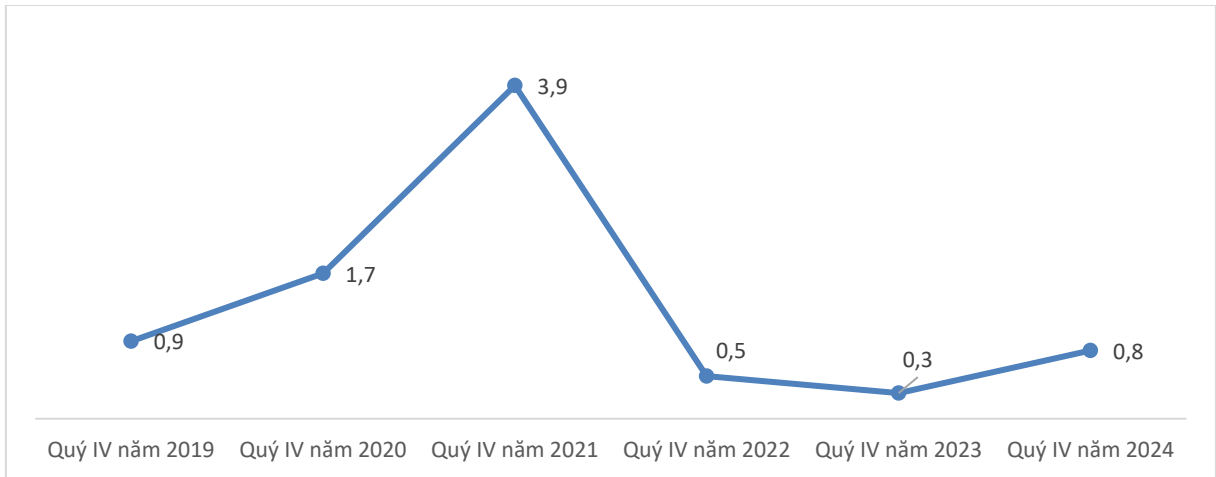
2. Lao động có việc làm

Số lao động có việc làm trong quý IV năm 2024 tiếp tục tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Lao động có việc làm khu vực dịch vụ và khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trong khi lao động có việc làm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm.

Lao động có việc làm quý IV năm 2024 đạt 52,1 triệu người, tăng 414,9 nghìn người, tương ứng tăng 0,8% so với quý trước và tăng 639,1 nghìn người, tương ứng tăng 1,24% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động có việc làm khu vực thành thị là 20,1 triệu người (chiếm 38,7%), tăng 126,3 nghìn người so với quý trước và tăng 995,5 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; lao động có việc làm khu vực nông thôn là 32,0 triệu người, tăng 288,5 nghìn người so với quý trước và giảm 356,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2024, lao động có việc làm đạt 51,9 triệu người, tăng 585,1 nghìn người (tương ứng tăng 1,14%) so với năm 2023. Số lao động có việc làm ở khu vực thành thị, ở nam giới và nữ giới đều tăng trong khi đó ở khu vực nông thôn giảm. Số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 19,9 triệu người, tăng 4,4% (tương ứng tăng 831,2 nghìn người); khu vực nông thôn là 32 triệu người, giảm 0,8% (tương ứng giảm 246,1 nghìn người); lao động nam đạt 27,7 triệu người, tăng 1,5% (tương ứng tăng 398,8 nghìn người); nữ đạt 24,2 triệu người, tăng 0,8% (tương ứng tăng 186,3 nghìn người).

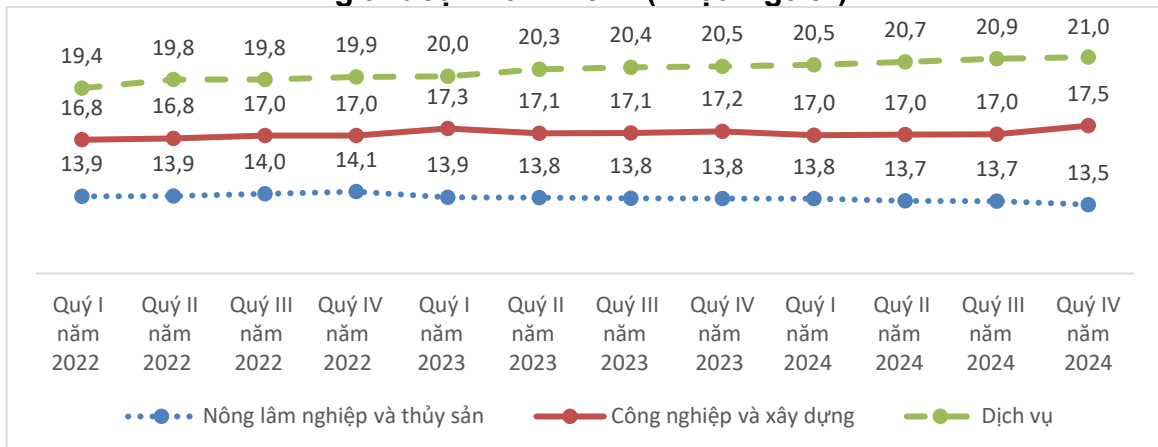
Hình 4: Tốc độ tăng/giảm lao động có việc làm quý IV so với quý trước, giai đoạn 2019-2024 (%)



Lao động có việc làm theo khu vực kinh tế

Trong quý IV năm 2024, lao động có việc làm trong khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất với 40,3%, tương đương với 21,0 triệu người; tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,7%, tương đương với 17,5 triệu người; lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng thấp nhất với 26,0%, tương đương với 13,5 triệu người. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, lao động trong khu vực dịch vụ và khu vực công nghiệp và xây dựng đều tăng. So với quý trước, lao động trong khu vực dịch vụ tăng 108,5 nghìn người, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 458,6 nghìn người. So với cùng kỳ năm trước, lao động trong khu vực dịch vụ tăng 546,5 nghìn người, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 353,4 nghìn người. Trong khi đó, so với quý trước và cùng kỳ năm trước, lao động có việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều giảm. Cụ thể là, lao động có việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 152,2 nghìn người so với quý trước và giảm 260,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Hình 5: Số người có việc làm phân theo khu vực kinh tế theo quý, giai đoạn 2022-2024 (Triệu người)



Tính chung năm 2024, lao động trong khu vực dịch vụ là 20,8 triệu người, tăng 497,8 nghìn người, tương ứng tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; lao động khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,3 triệu người, tăng 167 nghìn người, tương ứng tăng 1,0%; lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 13,7 triệu người, giảm 79,7 nghìn người, tương ứng giảm 0,6%. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2024 là 26,5%, đạt mục tiêu theo Kế hoạch của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ.

Lao động có việc làm phi chính thức

Trong quý IV năm 2024, lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản)⁵ là 33,2 triệu người. Tỷ lệ lao động phi chính thức chung đạt 63,6% giảm 0,3 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 1,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2024, số lao động có việc làm phi chính thức chung là 33,5 triệu người, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức chung là 64,6%, giảm 0,5 điểm phần trăm so với năm 2023. Mặc dù tốc độ giảm chưa cao, tuy nhiên điều này cũng cho thấy thị trường lao động đã có sự cải thiện tích cực trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục xu hướng tốt hơn cùng kỳ năm trước trên hầu hết các lĩnh vực.

3. Thiếu việc làm trong độ tuổi lao động⁶

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi quý IV năm 2024 giảm so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước.

Nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tăng lên trong những tháng cuối năm do có nhiều sự kiện, lễ lớn. Tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong quý IV năm 2024 duy trì xu hướng tích cực, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhờ đó, tình hình thiếu việc làm của người lao động giảm so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Cụ thể, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động⁷ quý IV năm 2024 khoảng 764,6 nghìn người, giảm 98,8 nghìn người so với quý trước

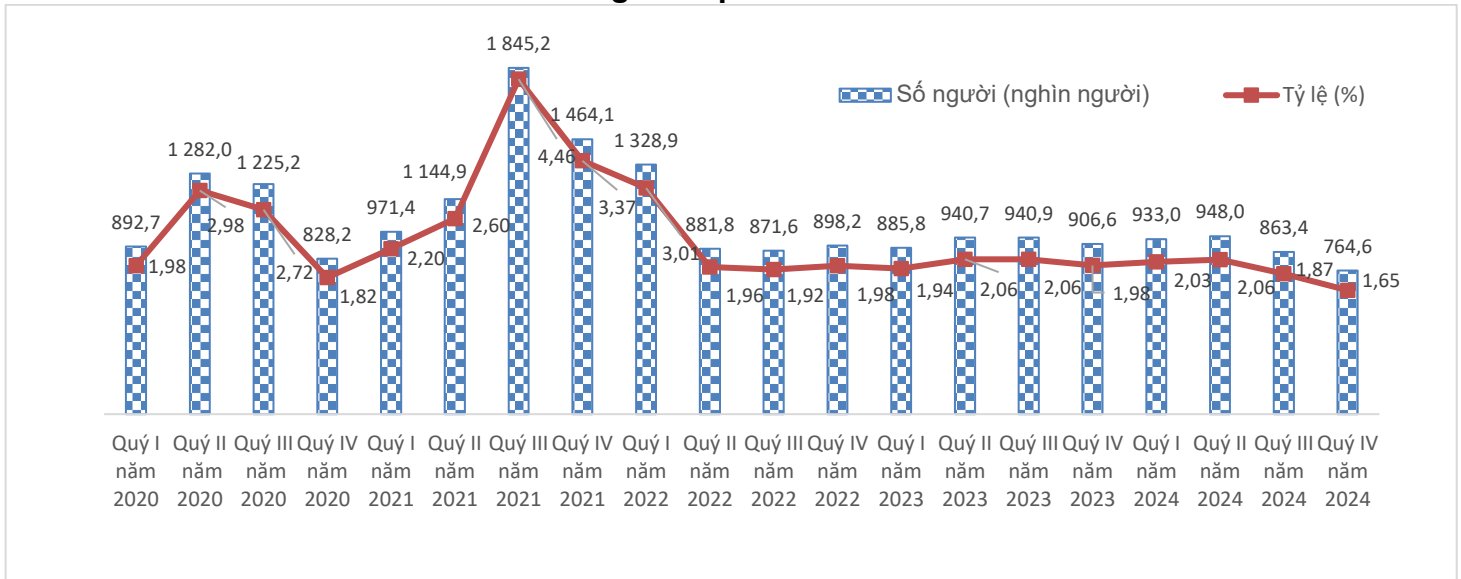
⁵ Lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong khu vực hộ nông lâm nghiệp và thủy sản) là những người có việc làm và thuộc một trong các trường hợp sau: (i) lao động gia đình không được hưởng lương, hưởng công; (ii) người chủ của cơ sở, lao động tự làm trong khu vực phi chính thức (iii) người làm công hưởng lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc; (iv) xã viên hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; (v) lao động trong khu vực hộ nông nghiệp.

⁶ Người thiếu việc làm là những người làm việc thực tế dưới 35 giờ một tuần, mong muốn và sẵn sàng làm thêm giờ.

⁷ Theo quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2019, trong độ tuổi lao động bao gồm: nam từ 15 đến 59 và nữ từ 15 đến 54 (từ năm 2020 trở về trước); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 3 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 4 tháng (năm 2021); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 6 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 8 tháng (năm 2022); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 9 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 56 tuổi (năm 2023); nam từ 15 đến chưa đủ 61 tuổi và nữ từ 15 đến chưa đủ 56 tuổi 4 tháng (năm 2024).

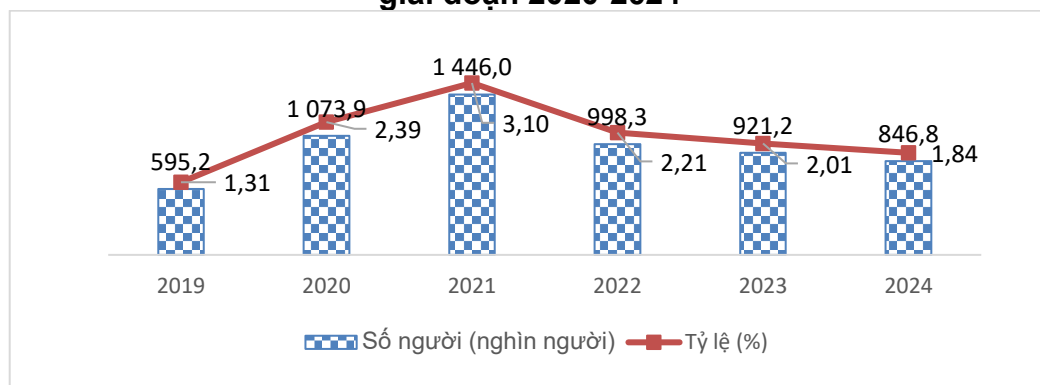
và giảm 142,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý này là 1,65%, giảm 0,22 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,32 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị là 1,27%, thấp hơn so với khu vực nông thôn (1,91%). Như vậy, đây là quý thấp nhất cả về số lượng và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi của nước ta kể từ khi sau đại dịch Covid-19 xảy ra đến nay.

Hình 6: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2020-2024



Tính chung năm 2024, tình trạng thiếu việc làm có xu hướng giảm, số người thiếu việc làm trong độ tuổi là 846,8 nghìn người, giảm 74,4 nghìn người so với năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi năm 2024 là 1,84%, giảm 0,18 điểm phần trăm so với năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn (tương ứng là 1,28% và 2,20%).

Hình 7: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động, giai đoạn 2020-2024



Trong tổng số 764,6 nghìn người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở quý IV năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ trọng thiếu việc làm cao nhất với 49,9% (tương đương với 381,5 nghìn người); tiếp theo là khu vực dịch vụ chiếm 31,7% (tương đương 242,6 nghìn người); khu vực công nghiệp

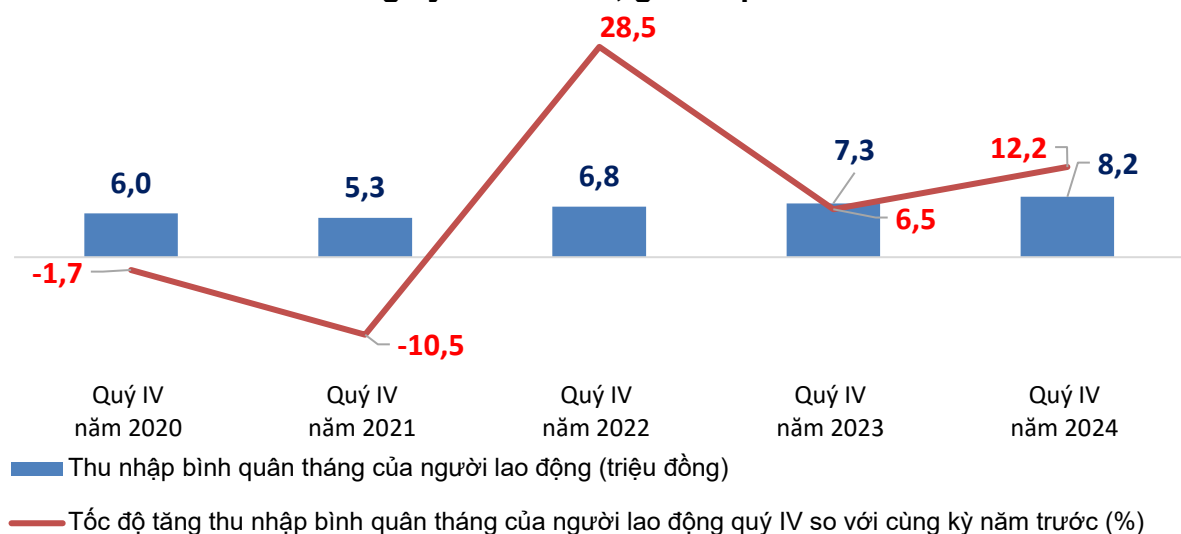
và xây dựng chiếm tỷ trọng thấp nhất với 18,4% (tương đương 140,5 nghìn người). So với quý trước, cả ba khu vực kinh tế đã ghi nhận số lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm (khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 61,1 nghìn người; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 29,4 nghìn người, khu vực dịch vụ giảm 8,2 nghìn người).

4. Thu nhập bình quân của người lao động⁸

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý IV năm 2024 là 8,2 triệu đồng, tăng 550 nghìn đồng so với quý trước và tăng 890 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam gấp 1,32 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (9,2 triệu đồng so với 7,0 triệu đồng). Thu nhập bình quân tháng của lao động ở khu vực thành thị gấp 1,36 lần khu vực nông thôn (9,8 triệu đồng so với 7,2 triệu đồng).

Quý IV năm nay đời sống của người lao động được cải thiện rõ rệt. Thông thường, những tháng cuối năm nhiều doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tốc độ tăng thu nhập bình quân của người lao động cao hơn so với quý trước, đời sống của người lao động sẽ được cải thiện hơn. So với quý trước, tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động quý IV năm 2024 gấp gần ba lần tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động quý IV năm 2023 (Quý IV năm 2024 đạt 7,5%; quý IV năm 2023 đạt 2,5%). So với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động quý IV năm 2024 (đạt 12,2%) gấp gần hai lần tốc độ tăng thu nhập bình quân tháng của quý IV năm 2023 (đạt 6,5%).

Hình 8: Thu nhập và tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động quý IV so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2020-2024



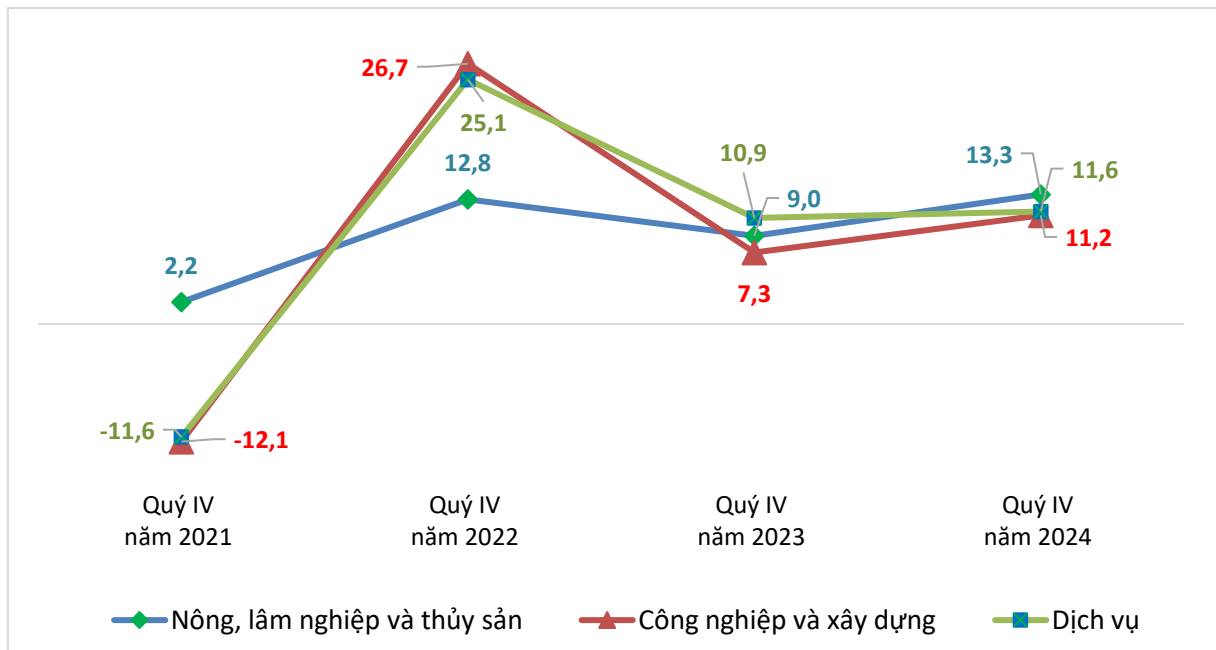
⁸ Trong Điều tra lao động việc làm, thu nhập của người lao động là số tiền công/tiền lương hoặc lợi nhuận nhận được từ công việc (bao gồm tiền làm thêm giờ, tiền thưởng, tiền phụ cấp nghề và tiền phúc lợi khác) trong tháng trước thời điểm điều tra. Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc là tổng thu nhập của tất cả lao động đang làm việc so với tổng số lao động đang làm việc.

Tính chung năm 2024, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 7,7 triệu đồng, tăng 8,6%, tương ứng tăng 610 nghìn đồng so với năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam gấp 1,34 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (8,7 triệu đồng so với 6,5 triệu đồng). Thu nhập bình quân tháng của lao động ở khu vực thành thị gấp 1,39 lần khu vực nông thôn (9,3 triệu đồng so với 6,7 triệu đồng).

Thu nhập bình quân của người lao động theo khu vực kinh tế

So với quý trước và cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân tháng của người lao động quý IV năm 2024 tăng lên ở ba khu vực kinh tế. Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý IV năm 2024 tăng cao nhất ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, với 4,8 triệu đồng, tăng 11,4% (tương ứng tăng 484 nghìn đồng) so với quý trước và tăng 13,3% (tương ứng tăng 563 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm trước; khu vực dịch vụ là 9,7 triệu đồng, tăng 6,7% (tương ứng tăng 586 nghìn đồng) so với quý trước và tăng 11,6% (tương ứng tăng 1,0 triệu đồng) so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 9,0 triệu đồng, tăng 6,2% (tương ứng tăng 497 nghìn đồng) so với quý trước và tăng 11,2% (tương ứng tăng 900 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm trước.

Hình 9: Tốc độ tăng/giảm thu nhập bình quân tháng của người lao động theo khu vực kinh tế, quý IV so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2021-2024 (%)



Thu nhập bình quân của người lao động theo ngành kinh tế

So với cùng kỳ năm trước, Quý IV năm 2024, thu nhập bình quân tháng của lao động tăng lên ở hầu hết các ngành kinh tế. Một số ngành ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá như: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,8 triệu

đồng, tăng 13,3%, tương ứng tăng 563 nghìn đồng; khai khoáng là 12,1 triệu đồng, tăng 13,1%, tương ứng tăng 1,4 triệu đồng; công nghiệp chế biến, chế tạo là 8,9 triệu đồng, tăng 11,7%, tương ứng tăng 932 nghìn đồng; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm là 13,0 triệu đồng, tăng 10,5%, tương ứng tăng 1,2 triệu đồng; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 12,3 triệu đồng, tăng 10,3%, tương ứng tăng 1,1 triệu đồng; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy là 9,3 triệu đồng, tăng 9,3%, tương ứng tăng 794 nghìn đồng.

Tính chung năm 2024, thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng lên ở hầu hết các ngành kinh tế, lao động làm việc trong một số ngành kinh tế ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá so với năm 2023; trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 11,5 triệu đồng, tăng 12,5%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm là 12,8 triệu đồng, tăng 11,1%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng; khai khoáng là 11,2 triệu đồng, tăng 9,2%, tương ứng tăng 947 nghìn đồng; hoạt động kinh doanh bất động sản là 11,7 triệu đồng, tăng 9,2%, tương ứng tăng 985 nghìn đồng; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,5 triệu đồng, tăng 8,2%, tương ứng tăng 340 nghìn đồng; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 8,4 triệu đồng, tăng 7,6%, tương ứng tăng 599 nghìn đồng.

Tính chung năm 2024, thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương là 8,7 triệu đồng, tăng 9,2%, tương ứng tăng 732 nghìn đồng so với năm 2023. Lao động nam có mức thu nhập bình quân cao hơn mức thu nhập bình quân của lao động nữ là 1,12 lần (9,1 triệu đồng so với 8,1 triệu đồng). Lao động làm việc trong khu vực thành thị có mức thu nhập bình quân là 9,7 triệu đồng, gấp 1,24 lần mức thu nhập bình quân của lao động ở khu vực nông thôn (7,8 triệu đồng).

5. Thất nghiệp⁹

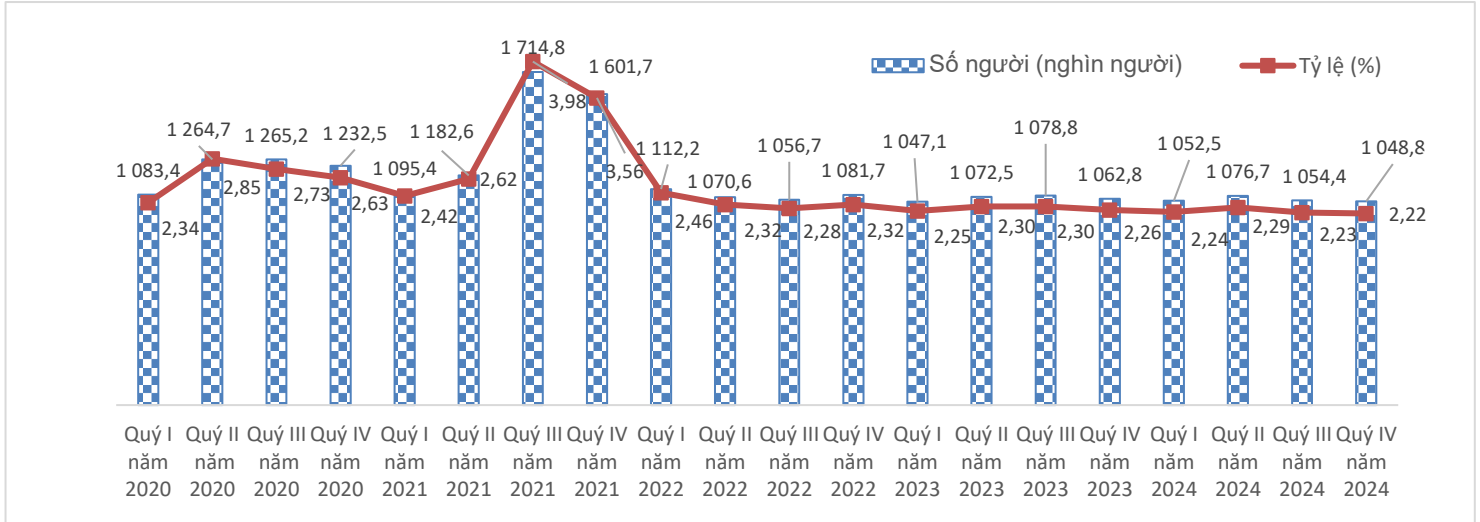
Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi quý IV năm 2024 thấp hơn so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước.

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý IV năm 2024 khoảng 1,05 triệu người, giảm 5,7 nghìn người so với quý trước và giảm 14,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý IV năm 2024 là 2,22%, giảm 0,01 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,04 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu

⁹ Người thất nghiệp là người từ đủ 15 tuổi trở lên mà trong thời kỳ tham chiếu có đầy đủ cả 03 yếu tố: Hiện không làm việc, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc. Tỷ lệ thất nghiệp là tỷ lệ phần trăm giữa số người thất nghiệp so với lực lượng lao động.

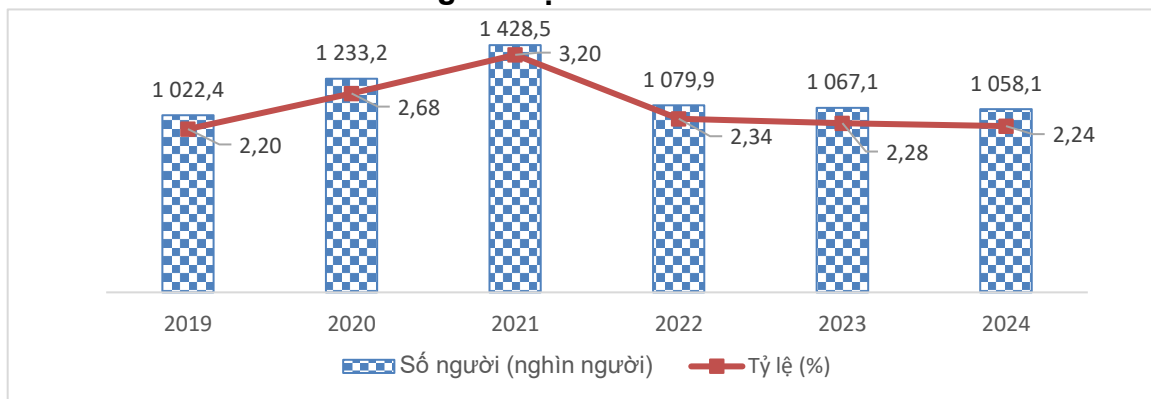
vực thành thị tiếp tục duy trì dưới mức 3%¹⁰. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường tiếp tục cao hơn số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, và tình hình xuất nhập khẩu và du lịch tiếp tục khởi sắc góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp cả nước trong quý này.

Hình 10: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2020-2024



Tính chung năm 2024, cả nước có khoảng 1,06 triệu người thất nghiệp trong độ tuổi lao động, giảm 9,0 nghìn người so với năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2024 là 2,24%, giảm 0,04 điểm phần trăm so với năm trước. Như vậy, tình hình thất nghiệp năm nay ở Việt Nam cải thiện hơn so với năm trước, tuy nhiên vẫn dao động quanh mức 2,2% như thời kỳ trước dịch Covid-19 xuất hiện.

Hình 11: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động, giai đoạn 2019-2024



¹⁰ Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động khu vực thành thị quý IV các năm giai đoạn 2022-2024 lần lượt là: 2,68%; 2,72% và 2,37%.

So với quý trước và cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không tham gia học tập hoặc đào tạo giảm, tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24) tăng.

Theo báo cáo “Xu hướng việc làm toàn cầu cho thanh niên năm 2024” của ILO¹¹, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên toàn cầu năm 2023 là 13% và dự kiến sẽ giảm xuống mức 12,8% trong năm 2024 và 2025. Tại Việt Nam, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15-24 tuổi trong quý IV năm 2024 ở mức 7,96%, thấp hơn so với mức trung bình của toàn cầu nhưng vẫn duy trì mức cao. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, tỷ lệ này tăng tương ứng là 0,23 điểm phần trăm và 0,34 điểm phần trăm. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 9,02%, cao hơn 1,61 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn. So với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ này giảm ở khu vực thành thị (giảm 1,19 điểm phần trăm) và tăng ở khu vực nông thôn (tăng 1,11 điểm phần trăm).

Trong báo cáo “Cập nhật triển vọng việc làm và xã hội thế giới: Tháng 9 năm 2024”¹², ILO cho biết tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không tham gia giáo dục hoặc đào tạo (NEET) trên toàn cầu giảm nhẹ kể từ năm 2015, từ 21,3% xuống còn 20,4% vào năm 2024. Ước tính NEET cũng cho thấy sự bất bình đẳng giới vẫn đáng kể: tỷ lệ NEET của thanh niên nữ toàn cầu là 28,2%, gấp hơn hai lần so với thanh niên nam (13,1%). Tại Việt Nam, trong quý IV năm 2024, có khoảng 1,3 triệu thanh niên từ 15-24 tuổi không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo (chiếm 10,0% tổng số thanh niên), giảm 110,4 nghìn người so với quý trước và giảm 202,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị, 11,6% so với 7,4% và ở nữ thanh niên cao hơn so với nam thanh niên, 11,4% so với 8,6%.

Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên và tỷ lệ NEET ở Việt Nam vẫn duy trì ở mức cao, phản ánh tình trạng khó khăn khi tìm kiếm việc làm của thanh niên. Vì vậy, việc định hướng và phân luồng thanh niên cần được chú trọng và triển khai hiệu quả hơn, đồng thời cần tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp sinh viên sau khi ra trường có nhiều cơ hội làm đúng ngành, đúng nghề, từ đó tối ưu hóa nguồn nhân lực và góp phần quan trọng vào việc cân bằng cung - cầu lao động.

¹¹ ILO (2024), “Xu hướng việc làm toàn cầu cho thanh niên năm 2024: Việc làm thỏa đáng, tương lai tươi sáng hơn”, <https://www.ilo.org/vi/publications/major-publications/tom-tat-tong-quan-xu-huong-viec-lam-toan-cau-cho-thanh-nien-nam-2024>, truy cập ngày 15/12/2024.

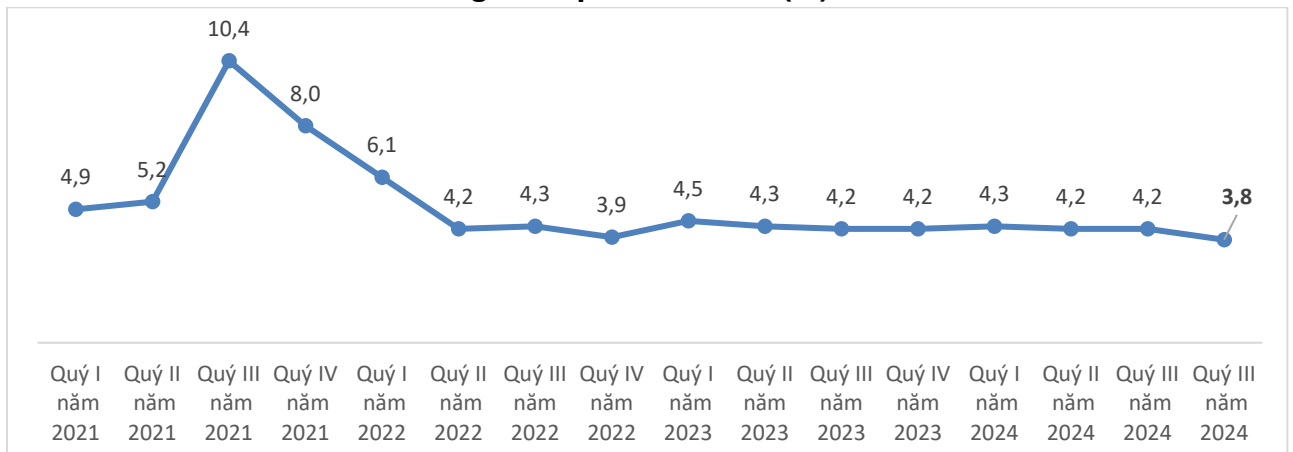
¹² ILO (2024), “Triển vọng việc làm và xã hội thế giới: Cập nhật tháng 9 năm 2024”, <https://www.ilo.org/publications/flagship-reports/world-employment-and-social-outlook-september-2024-update>, truy cập ngày 19/12/2024.

6. Lao động không sử dụng hết tiềm năng

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng¹³ là chỉ tiêu tổng hợp cho biết mức độ “lệch pha” giữa cung và cầu lao động trên thị trường; phản ánh tình trạng dư cung về lao động. Trong điều kiện kinh tế phát triển bình thường, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng luôn tồn tại. Tỷ lệ này thường tăng cao khi thị trường chịu các cú sốc về kinh tế - xã hội.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam cao kỷ lục là 10,4% vào quý IV năm 2021 do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, sau đó giảm dần và duy trì dao động quanh mức 4%. Quý IV năm 2024, tỷ lệ này là 3,8% (tương ứng khoảng 2,0 triệu người).

Hình 12: Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng theo quý, giai đoạn 2021-2024 (%)



Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng quý IV năm 2024 giữa nam và nữ tương đối đồng đều bằng nhau (3,8%). Tuy nhiên, có tới gần một nửa số lao động không sử dụng hết tiềm năng (47,5%) là những người từ 15-34 tuổi. Điều này cho thấy, vẫn còn một bộ phận không nhỏ lực lượng lao động tiềm năng chưa được khai thác là những lao động trẻ tuổi.

Tính chung cả năm 2024, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là 4,1%, giảm 0,2 điểm phần trăm so với năm trước.

7. Lao động làm công việc tự sản tự tiêu

Tại thời điểm quý IV năm 2024, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu với gần 3,7 triệu người, giảm 204,9 nghìn người so với quý trước và tăng 206,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, trong số này có đến 87,0% lao động ở khu vực

¹³ Lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đủ công việc (hay còn gọi là lao động không sử dụng hết tiềm năng) bao gồm những người thất nghiệp, thiếu việc làm và một nhóm ngoài lực lượng lao động sẵn sàng làm việc nhưng không tìm việc hoặc có tìm việc nhưng chưa sẵn sàng làm việc ngay. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là tỷ số giữa lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đầy đủ công việc so với tổng số lao động có nhu cầu làm việc trong nền kinh tế.

nông thôn. Gần hai phần ba số người sản xuất sản phẩm tự sản tự tiêu quý IV năm 2024 là nữ giới (chiếm 64,4%). Trong tổng số 3,7 triệu lao động sản xuất tự sản tự tiêu, có gần 2,2 triệu người trong độ tuổi từ 55 tuổi trở lên (chiếm 59,2%).

Tính chung năm 2024, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu trên cả nước là khoảng gần 3,8 triệu người, tăng 78,6 nghìn người so với năm trước, trong đó có 87,7% lao động ở nông thôn và số lao động ở nam giới là khoảng 36,2%. Tuy nhiên, số lao động tự sản tự tiêu năm 2024 đã giảm 502,5 nghìn người so với năm 2022, thời gian xảy ra đại dịch Covid-19.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ